FireAnt

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HMC)

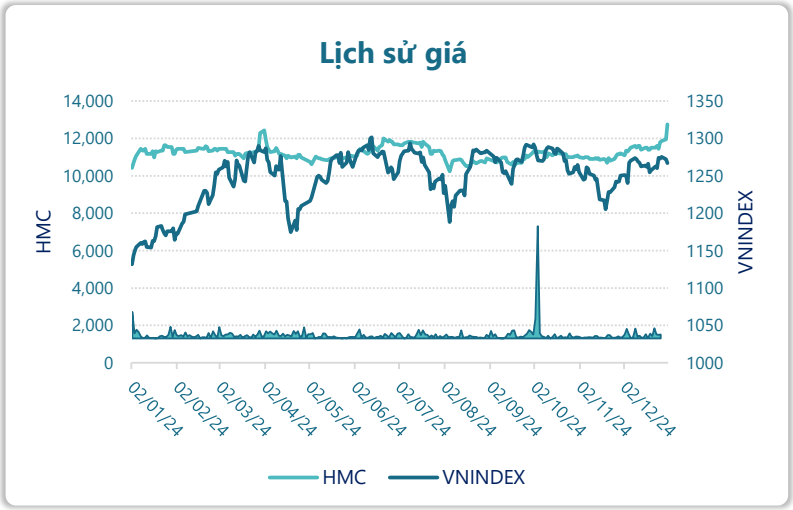

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,238
SL cổ phiếu LH	27,299,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,905
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	348
P/E	13.6
EPS	939

DT thuần

Q4/24

1,258

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 183| 17.0%

YoY: ▲ 486| 62.9%

LN sau thuế

Q4/24

10.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.99| 64.5%

YoY: ▼3.60| -26.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.2%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

4,235

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,115| 35.8%

LN sau thuế

2024

25.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.50| 20.9%

ROE

2024

6.3%

+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh

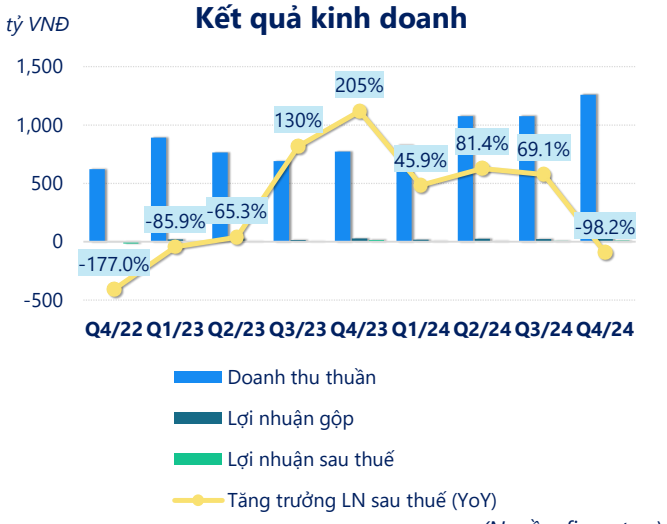

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

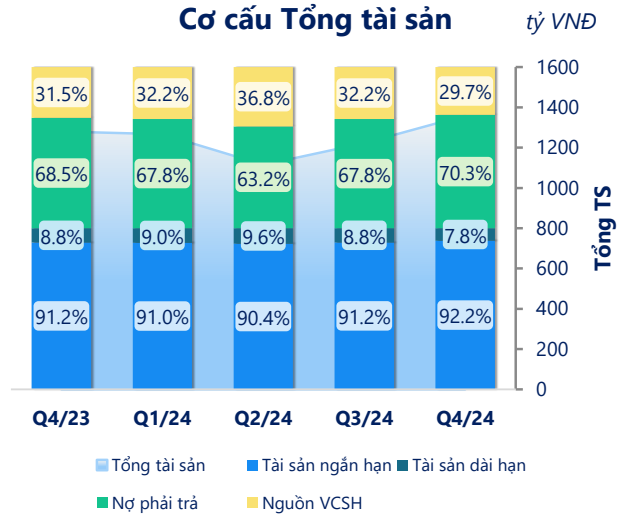

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

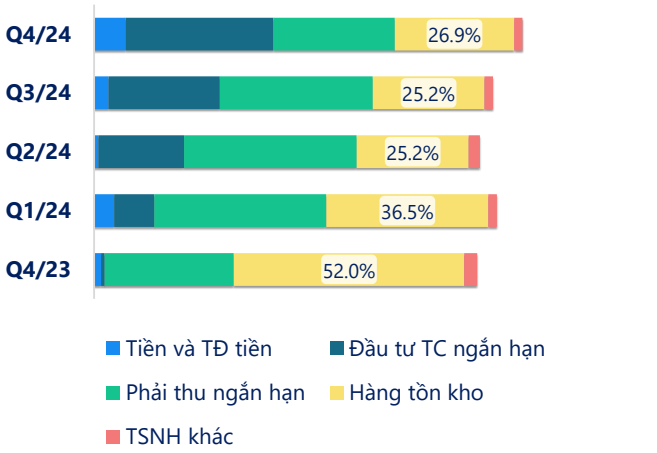

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

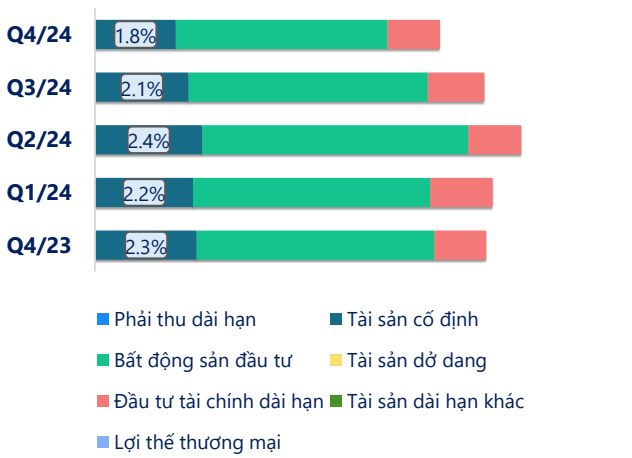

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

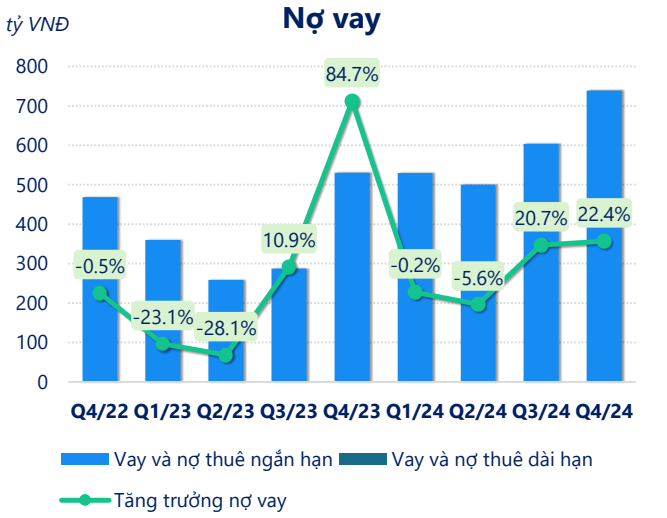

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

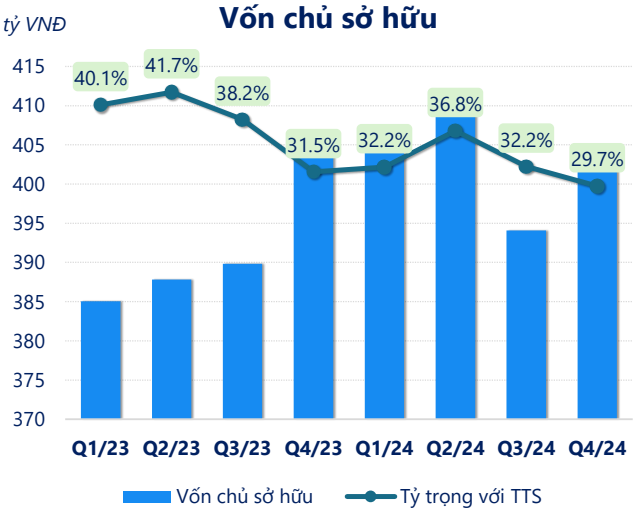

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

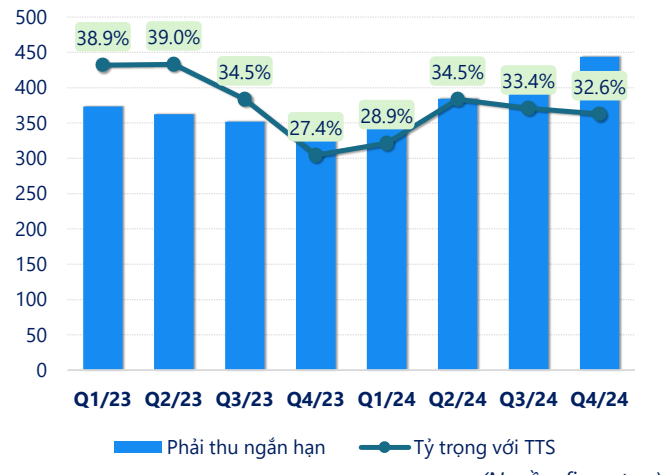

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

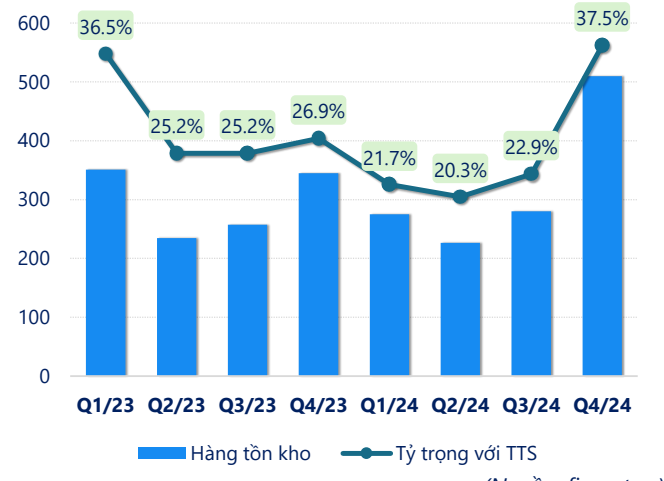

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

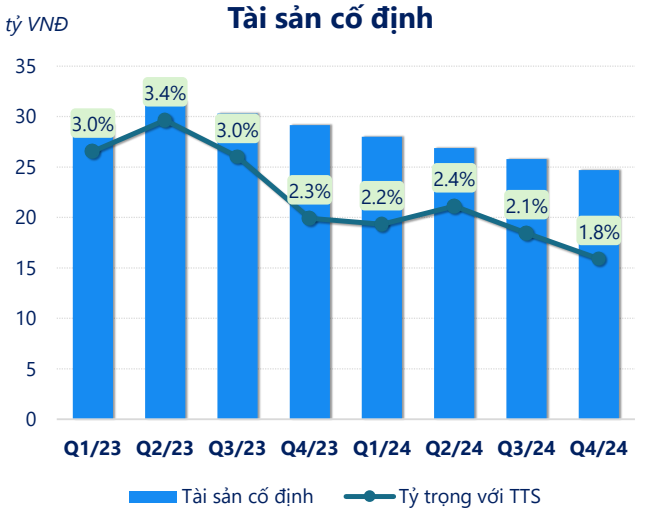

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

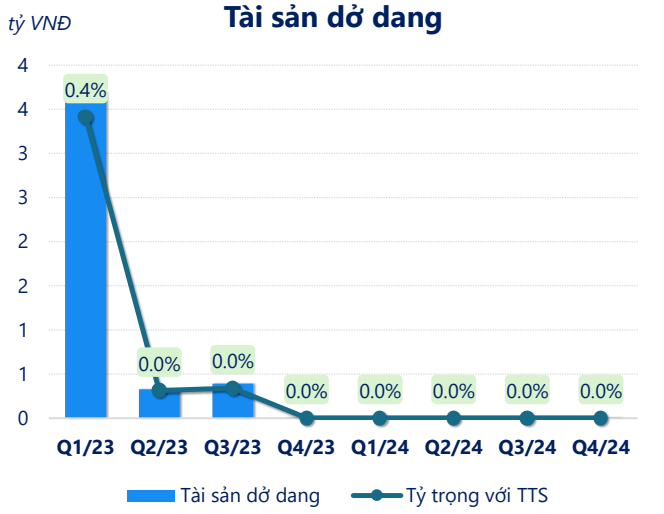

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

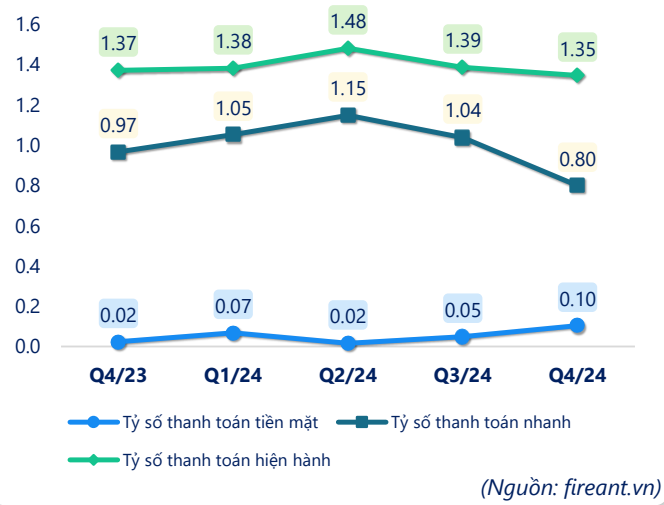

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

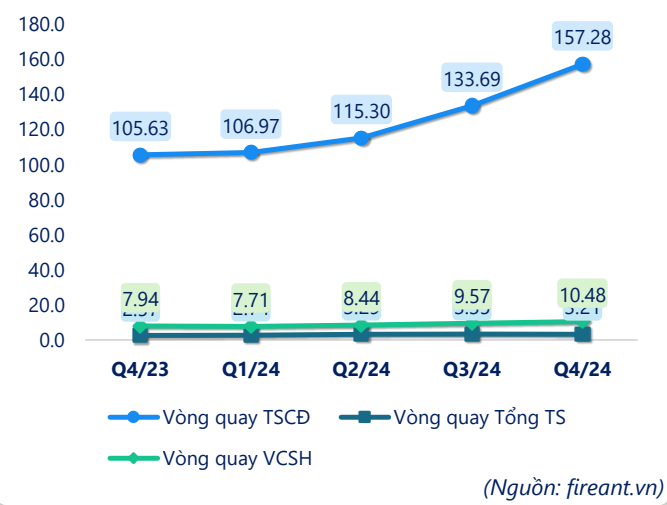

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,280**	**1,266**	**1,114**	**1,222**	**1,360**
Tài sản ngắn hạn	**1,167**	**1,153**	**1,007**	**1,115**	**1,254**
Tiền và tương đương tiền	19.9	57.1	10.7	39.5	96.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	427	438	363	370	173
Phải thu ngắn hạn	351	367	384	408	444
Hàng tồn kho	345	275	226	280	510
Tài sản ngắn hạn khác	24.4	16.5	22.4	17.7	31.5
Tài sản dài hạn	**113**	**114**	**107**	**107**	**106**
Phải thu dài hạn	0.22	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản cố định	29.1	28.0	26.9	25.8	24.7
Bất động sản đầu tư	68.7	67.8	66.9	66.0	65.1
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	17.8	13.3	15.6	16.0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**876**	**859**	**704**	**828**	**955**
Nợ ngắn hạn	**851**	**834**	**679**	**804**	**931**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	531	530	500	603	739
Phải trả người bán ngắn hạn	141	102	144	158	169
Nợ dài hạn	25.6	25.2	24.7	24.2	24.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**404**	**407**	**410**	**394**	**404**
Vốn chủ sở hữu	**404**	**407**	**410**	**394**	**404**
Vốn điều lệ	273	273	273	273	273
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)